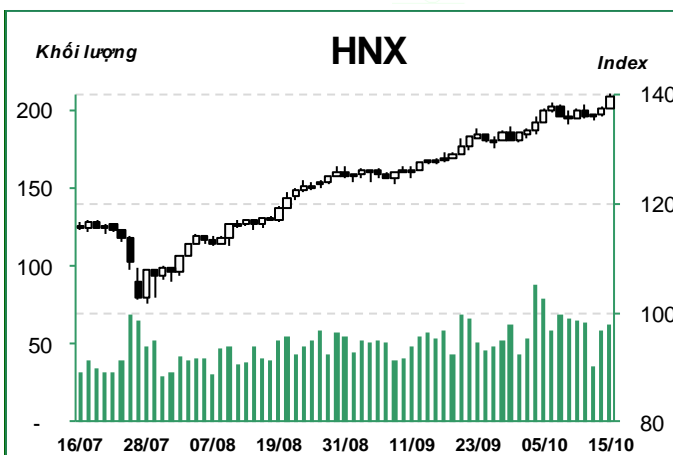
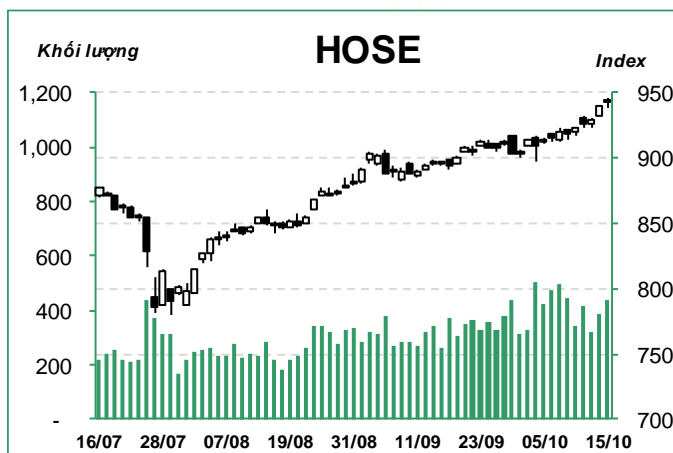


Tổng quan thị trường

15/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	942.76	0.27%	899.20	0.79%	139.66	1.58%
Cuối tuần trước	924.00	2.03%	874.53	2.82%	136.91	2.01%
Trung bình 20 ngày	918.03	2.69%	867.18	3.69%	134.99	3.45%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	470.51	-0.93%	184.34	-24.43%	67.20	11.80%
KLGĐ khớp lệnh	439.63	13.67%	167.59	-5.08%	62.83	6.25%
Trung bình 20 ngày	394.73	11.38%	128.64	30.28%	59.01	6.48%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	9,406.62	-34.67%	5,616.68	-47.49%	1,065.23	17.90%
GTGD khớp lệnh	8,402.08	10.53%	4,980.41	4.10%	975.63	10.01%
Trung bình 20 ngày	6,706.69	25.28%	3,321.20	49.96%	763.39	27.80%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	184	39%	19	63%	74	21%
Số mã giảm	223	47%	8	27%	85	24%
Số mã đứng giá	66	14%	3	10%	196	55%



Thị trường tiếp tục giao dịch khởi sắc trong phiên hôm nay. Tuy nhiên, với việc áp lực bán vẫn đang hiện hữu cùng với sự kiện đáo hạn của hợp đồng phái sinh tháng 10 đã phần nào khiến đà tăng của chỉ số VN-Index bị thu hẹp lại. Trong khi đó, với phiên tăng mạnh hôm nay, HNX-Index đã chính thức vượt đỉnh tháng 4/2018.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa tăng điểm tại mức 942.76 điểm (+0.27%). Thanh khoản cải thiện so với phiên trước với KLGĐ khớp lệnh đạt 439.6 triệu cổ phiếu (+13.7%), tương đương 8,402 tỷ đồng giá trị (+10.5%). Chỉ số VN-Index xây ra hiện tượng xanh vỏ đỏ lòng khi lực cầu chỉ tập trung kéo điểm ở những cổ phiếu Bluechips trong khi nhóm midcap và penny không thực sự tích cực. Điều này đã dẫn đến số mã giảm toàn sàn tăng lên với 223 mã giảm so với 184 mã tăng.

Vingroup-VIC (+2.6%) là đầu tàu cho phiên tăng điểm của VN-Index trong hôm nay. Mặc dù trong phiên đã có lúc VIC rút mạnh hơn 4.0%, nhưng đã đảo chiều trở lại trước khi đóng cửa cao nhất phiên. Trong khi đó, Hòa Phát-HPG (+2.5%) cũng có phiên tăng điểm khá tốt nhờ công bố KQKD Q3 tích cực. Tuy nhiên, mức tăng này lại thấp nhất trong phiên khi áp lực bán của HPG vẫn khá mạnh. Ngoài ra, một số cổ phiếu trụ khác cũng có mức tăng điểm đáng chú ý như Masan-MSN (+1.4%), Vietjet Air-VJC (+1.3%), Sacombank-STB (+2.6%), Vàng Phú Nhuận-PNJ (+3.3%) hay Chứng khoán Bản Việt-VCI (+7.0%). Ở chiều ngược lại, Vinhomes-VHM (-1.3%), BIDV-BID (-1.5%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-1.1%), Tập đoàn DABACO-DBC (-7.0%) là những cổ phiếu kìm hãm đà tăng của chỉ số.

Về giao dịch của khối ngoại, khối này có phiên giao dịch khá sôi động khi cả chiều mua và bán đều đạt giá trị hơn 1,000 tỷ. Tuy nhiên, áp lực bán vẫn mạnh hơn với giá trị bán ròng đạt

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
MSN	1,402.0	104.45
CTG	3,000.0	84.30
VNM	628.2	67.45
PNJ	1,008.5	66.56
MBB	3,699.0	65.74
SAB	300.0	55.48
TCB	1,956.9	47.75
NVL	765.0	46.26
VPB	1,767.2	40.85
SSI	1,216.6	22.14
HNX		
S99	3,507.0	71.53
IDC	400.0	9.64
PVS	250.1	3.75
NTP	72.2	2.25
GKM	85.0	1.40
ACB	23.2	0.57
SHB	25.1	0.41
NVB	5.1	0.05

267.1 tỷ đồng (-51.1%). Trong đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Masan-MSN (-254.4 tỷ), Sabeco-SAB (-57.5 tỷ), Vận tải Dầu khí PVTrans-PVT (-37.0 tỷ). Trái lại, Vietcombank-VCB (+62.6 tỷ), Vietinbank-CTG (+56.3 tỷ), Hòa Phát-HPG (+38.1 tỷ) được khối này mua ròng nhiều.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index có phiên tăng điểm khá tốt và đóng cửa tại mức 139.66 điểm (+1.58%). KLGĐ khớp lệnh đạt 62.8 triệu cổ phiếu (+6.3%), tương đương 975.6 tỷ đồng giá trị (+10.0%).

Bộ đôi nhóm ngân hàng là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+4.5%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+2.1%) tiếp tục là động lực kéo điểm chính cho HNX-Index. Bên cạnh đó, Idico-IDC (+10.0%) cũng là cổ phiếu có diễn biến giao dịch đáng chú ý khi tăng trần cùng với khối lượng đột biến trong phiên hôm nay. Ở chiều ngược lại, Khách sạn Đại Dương-OCH (-9.7%), Vicostone-VCS (-0.7%), Hóa dầu Petrolimex-PLC (-3.3%) là những cổ phiếu dẫn đầu ở chiều giảm điểm.

Khối ngoại bất ngờ đẩy mạnh mua ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 8.3 tỷ đồng (+83.3%). Với lực mua tập trung ở các cổ phiếu như Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+3.5 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+2.3 tỷ) và Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+2.3 tỷ). Trong khi đó, Ống thép Việt Đức-VGS (-1.4 tỷ), Vicostone-VCS (-1.0 tỷ), Mía đường Sơn La-SLS (-0.5 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng lên trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang tham gia thị trường. Không những vậy, chỉ số đang nằm trong xu hướng phục hồi với việc duy trì đóng cửa trên MA5 và chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho tín hiệu củng cố xu hướng hiện tại. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể tiếp tục bứt phá đi lên thử thách ngưỡng 982.8 điểm (Fib 161.8). Tuy nhiên, khi quan sát kỹ, chúng tôi nhận thấy chỉ số đang vượt ra ngoài dải Bollinger cùng với RSI hướng lên vùng 77 cho tín hiệu mua thái quá. Do đó, không loại trừ chỉ số có thể sẽ có một nhịp điều chỉnh rung lắc trong những phiên tới nhằm củng cố lại xu hướng phục hồi hiện tại, nhà đầu tư cần thận trọng với các vị thế mua đuổi giá cao. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có phiên diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp và vượt qua ngưỡng 138.3 điểm (đỉnh 2018), cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể hướng lên vùng kháng cự tâm lý 150 điểm. Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng phục hồi. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt và có tính dẫn dắt thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HU1	6.4	10.2	7.0%
TTE	8.3	0.1	7.0%
VCI	39.2	1,386.3	7.0%
DTL	7.8	0.1	7.0%
SMC	11.7	650.5	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TLD	10.7	1,580.9	-7.0%
DBC	41.5	5,856.5	-7.0%
SSC	50.8	0.1	-7.0%
VNL	16.5	0.1	-6.8%
PNC	8.5	0.2	-6.7%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	29.1	903.1	2.5%
TCB	22.9	590.5	0.0%
MSN	81.1	463.1	1.4%
TCH	21.0	329.1	-0.5%
CTG	30.1	305.8	0.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HAG	5.0	32,371.8	1.4%
HPG	29.1	30,525.2	2.5%
FLC	4.3	27,790.4	5.1%
TCB	22.9	25,323.2	0.0%
STB	13.9	20,799.9	2.6%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KDM	2.2	0.2	10.0%
TMX	13.2	0.1	10.0%
FID	1.1	62.7	10.0%
IDC	26.5	803.5	10.0%
L62	10.0	0.1	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DZM	3.6	40.5	-10.0%
TTL	6.5	14.4	-9.7%
OCH	8.4	7.7	-9.7%
POT	15.0	56.3	-9.6%
TFC	5.0	0.1	-9.1%

Top 5 giá trị

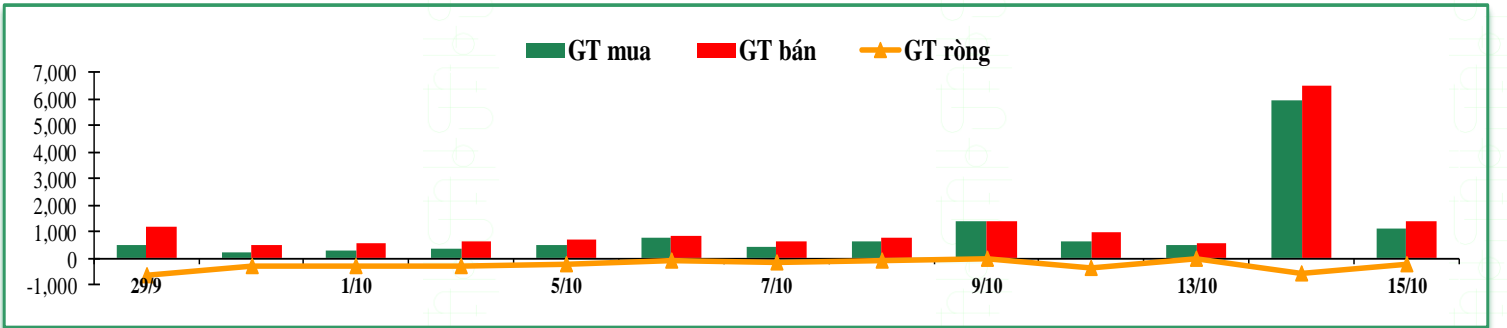
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	24.5	399.0	2.1%
SHB	16.3	127.2	4.5%
PVS	13.8	95.3	0.7%
SHS	13.6	51.7	1.5%
VCG	42.5	46.1	2.9%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	24.5	16,349.5	2.1%
SHB	16.3	7,867.1	4.5%
PVS	13.8	6,872.1	0.7%
SHS	13.6	3,796.3	1.5%
HUT	2.6	2,814.6	0.0%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,094.7	11.6%	1,361.8	14.5%	-267.1
HNX	15.4	1.4%	7.1	0.7%	8.3
Tổng số	1,110.2		1,369.0		-258.8



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	107.5	151.5	0.1%
CTG	30.1	102.6	0.2%
HPG	29.1	81.4	2.5%
VCB	88.6	80.7	0.5%
VIC	97.5	66.2	2.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	81.1	292.5	1.4%
VNM	107.5	122.7	0.1%
SAB	190.0	79.2	0.0%
MBB	17.6	72.4	-0.3%
VHM	77.5	69.9	-1.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	88.6	62.6	0.5%
CTG	30.1	56.3	0.2%
HPG	29.1	38.1	2.5%
VNM	107.5	28.8	0.1%
GVR	13.6	26.6	-1.1%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	16.3	5.1	4.5%
SHS	13.6	2.4	1.5%
PVS	13.8	2.3	0.7%
NTP	32.9	1.6	0.9%
DTD	22.7	1.4	-0.9%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	75.3	1.9	-0.7%
SHB	16.3	1.5	4.5%
VGS	8.2	1.4	9.3%
NTP	32.9	0.6	0.9%
SLS	77.1	0.5	-1.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	16.3	3.5	4.5%
PVS	13.8	2.3	0.7%
SHS	13.6	2.3	1.5%
DTD	22.7	1.4	-0.9%
NTP	32.9	1.0	0.9%

Tin trong nước

Ngân hàng rục rịch báo lãi quý 3/2020

Một số ngân hàng mới đây đã hé lộ kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm, trong đó có nhà băng đã hoàn thành kế hoạch cả năm.

Ngân hàng TMCP Liên Việt (LienVietPostBank - LPB) mới đây cho biết, tính đến 30/9/2020, vốn điều lệ của ngân hàng là 9.769 tỷ đồng, tổng tài sản của ngân hàng đạt 214.000 tỷ đồng, huy động thị trường 1 đạt 175.000 tỷ đồng và cho vay thị trường 1 đạt 160.000 tỷ đồng.

Đáng chú ý, lợi nhuận 9 tháng đầu năm của Ngân hàng đã vượt kế hoạch cả năm 2020 (1.700 tỷ đồng) khi đạt hơn 1.740 tỷ đồng.

Ban lãnh đạo LienVietPostBank dự báo quý cuối năm, nền kinh tế tiếp tục phục hồi, nhu cầu vay kinh doanh, vay tiêu dùng sẽ tăng mạnh trở lại, tin tưởng lợi nhuận trước thuế năm 2020 của ngân hàng sẽ vượt kết quả năm 2019 và đạt mức cao nhất trong 12 năm hoạt động của ngân hàng.

Tại ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB), trong 9 tháng đầu năm, tổng tài sản của ngân hàng hợp nhất đã đạt hơn 166 nghìn tỷ đồng, tương đương gần 98% kế hoạch 2020; lợi nhuận trước thuế đạt 1.666 tỷ đồng, vượt kế hoạch của cả năm 2020 (1.439 tỷ đồng) và tăng khoảng 56% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 1.328 tỷ đồng, bằng 127% tổng lợi nhuận sau thuế của cả năm 2019.

MSB cho biết đã hoàn tất việc xử lý toàn bộ nợ xấu đã bán cho VAMC theo đúng cam kết đối với cổ đông trong Đại hội Cổ đông thường niên của ngân hàng hồi tháng 5/2020. Theo đó, thời gian tới ngân hàng sẽ không phải trích lập dự phòng cho khoản trái phiếu VAMC, trong khi lại có thể gia tăng lợi thế vốn cũng như đảm bảo việc nâng cao chất lượng tài sản trong bối cảnh kinh tế biến động và dịch bệnh diễn biến khó lường.

VIB cũng công bố kết quả kinh doanh ấn tượng. Trong quý 3 VIB đạt 1.668 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 30% so với quý 2/2020 và tăng 52% so với quý 3/2019.

Lũy kế 9 tháng, tổng doanh thu của VIB đạt 7.854 tỷ đồng, tăng 34%; lợi nhuận trước thuế đạt 4.025 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ đạt 1.637 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 21% tổng doanh thu, tỷ lệ chi phí hoạt động trên doanh thu duy trì ở mức 40%. Chi phí dự phòng tăng 27% so với cùng kỳ năm trước. ROE bình quân đạt 28,9%, thuộc nhóm cao nhất ngành.

Tại ngày 30/9/2020, tổng tài sản của ngân hàng VIB đạt trên 213 nghìn tỷ đồng, dư nợ tín dụng đạt trên 151 nghìn tỷ đồng, tăng 14,2% so với đầu năm, cao gần gấp 3 lần so với trung bình ngành. Tỷ lệ nợ xấu thấp dưới 2%, giảm so với quý 2.

Ngoài 3 ngân hàng trên đã công bố kết quả kinh doanh ấn tượng sau 9 tháng đầu năm, những ngân hàng khác cũng sẽ sớm công bố BCTC trong thời gian tới. Tuy nhiên, theo dự báo của các công ty chứng khoán, lợi nhuận của đa số ngân hàng lớn trong quý 3/2020 vẫn sẽ tăng trưởng dương so với cùng kỳ.

(Source: cafef)

Tin doanh nghiệp niêm yết

HOSE chấp thuận niêm yết LienVietPostBank

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu LienVietPostBank (UPCoM: LPB) với số lượng gần 979 triệu cổ phiếu. Vốn điều lệ của ngân hàng là 9.769 tỷ đồng.

Trước đó, LienVietPostBank cho biết tiến độ chuyển sàn cổ phiếu LPB sẽ sớm hơn so với các ngân hàng khác 1-2 tháng. ACB, VIB, SHB cũng đang triển khai lộ trình niêm yết trên HoSE trong năm 2020.

Tại phiên họp cổ đông thường niên 2020, nhà băng này được cổ đông thông qua niêm yết cổ phiếu trên sàn HoSE, nơi đã có 10 ngân hàng đăng ký giao dịch. Tổng giám đốc Phạm Doãn Sơn cam kết chuyển sàn trước tháng 12.

Ngân hàng này cũng có kế hoạch chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài với tỷ lệ không quá 4,99% vốn. Ngân hàng cũng được cổ đông chấp thuận nâng giới hạn sở hữu nước ngoài từ 5% lên 9,99%.

6 tháng đầu năm, lãi trước thuế của LienVietPostBank giảm 10% so với cùng kỳ 2019, ở mức 1.004 tỷ đồng, thực hiện 59% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế giảm tương đương còn 806 tỷ đồng.

Quản lý và dự trữ hàng tốt, SMC lãi quý III gấp gần 3 lần cùng kỳ

Công ty Đầu tư Thương mại SMC (HoSE: SMC) công bố BCTC hợp nhất quý III với doanh thu giảm 2,5% đạt 4.132 tỷ đồng. Giá vốn giảm mạnh hơn 5,6% giúp lãi gộp tăng 136% đạt 218 tỷ đồng. Biên lãi gộp đạt 5,3%, cải thiện đáng kể so với con số 2,2% cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh từ 74 tỷ xuống 17 tỷ đồng, chi phí tài chính cũng giảm từ 41 tỷ xuống 17 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng lần lượt 23,3% và 58,2%.

Lãi sau thuế doanh nghiệp thép đạt 100 tỷ đồng, gấp 2,8 cùng kỳ năm trước. Đây là mức lãi cao nhất SMC ghi nhận trong 1 quý tính từ quý III/2016.

Doanh cho biết lợi nhuận tăng mạnh nhờ hoạt động sản xuất, gia công phát triển, năng xuất và sản lượng tiêu thụ tăng mạnh. Đồng thời, doanh nghiệp sử dụng vốn tiết kiệm, mua hàng hợp lý và dự trữ tốt, quay vòng vốn nhanh. Giá nguyên liệu tăng đều và ổn định ở mức cao, thuận lợi cho tìm kiếm thêm lợi nhuận.

PV Gas D quý III lãi 89 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ

Công ty Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PV Gas D, HoSE: PGD) đã công bố BCTC quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2020.

Theo đó riêng quý III doanh thu thuần đạt 1.873,7 tỷ đồng giảm 12,4% so với cùng kỳ, tuy nhiên giá vốn hàng bán lại giảm mạnh 29% nên lợi nhuận gộp đạt hơn 216 tỷ đồng tăng 4% so với quý III/2019.

Trong kỳ mặc dù doanh thu tài chính giảm mạnh 66% xuống còn 1,6 tỷ đồng nhưng bù lại chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được cắt giảm đáng kể so với cùng kỳ nên kết quả PGD đạt hơn 89 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế tăng 33% so với quý III/2019.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2020, PV Gas D đạt 5.406,8 tỷ đồng doanh thu thuần và 135,6 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế lần lượt giảm 9% và 25,5% so với cùng kỳ 2019 tương đương EPS đạt 1.438 đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SAB	Mua	16/10/20	190	190	0.0%	210	10.5%	183	-3.7%	Cổ phiếu có tín hiệu phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VRE	Quan sát mua	16/10/20	27.6	29 31	Tín hiệu ko tiếp tục tiêu cực sau phiên thủng MA50 vol cao, khả năng có thể xuất hiện tín hiệu phá vỡ giả -> cần phiên tăng vượt 28 sẽ cho tín hiệu xác nhận
2	CMG	Quan sát mua	16/10/20	34.05	36.5 40	Nến Doji vol lớn sau phiên thủng MA50, nghi ngờ khả năng phá vỡ giả -> cần phiên tăng mạnh vượt 34.5 sẽ cho tín hiệu xác nhận
3	AST	Quan sát mua	16/10/20	50.5	55-56	Phiên tăng vol tăng trở lại sau nhịp điều chỉnh tích cực -> khả năng sớm có phiên break trendline và quay lại xu hướng tăng
4	DBC	Quan sát bán	16/10/20	41.45	33.5	Phiên giảm mạnh, thủng vùng sideway quanh các đường MA kèm vol cao -> khả năng tiếp tục giảm trong ngắn hạn

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VNM	Mua	21/09/20	107.5	103.6	3.8%	112.5	8.6%	101.6	-2%	
2	HPG	Mua	28/09/20	29.05	25.75	12.8%	30	16.5%	25	-3%	
3	FPT	Mua	09/10/20	51.2	51.1	0.2%	56	10%	50	-2%	
4	BVH	Mua	12/10/20	54	49.8	8.4%	55	10%	48	-4%	
5	TCM	Mua	15/10/20	23.55	23.9	-1.5%	27.5	15%	23.2	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 15/10/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	960	-8.6 %	-38%	499	62	58,000	0	KIS	CTD	77,830	9.6	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,500	1.7 %	58%	357	25	51,200	11,871	SSI	FPT	41,790	0.8	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,860	4.5 %	24%	1,380	14	51,200	1,855	HCM	FPT	43,460	4.2	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,700	0 %	1%	1,384	8	51,200	1,763	MBS	FPT	42,590	4.9	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,450	-0.7 %	-3%	22,863	91	51,200	965	HCM	FPT	46,990	4.9	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,300	0 %	-7%	37,202	64	51,200	1,559	MBS	FPT	46,800	3.0	18/12/2020
CHPG2008	4,100	8,100	14.7 %	98%	26,561	46	29,050	7,784	SSI	HPG	22,910	0.8	30/11/2020
CHPG2009	1,600	6,690	11.5 %	318%	3,118	14	29,050	6,663	HCM	HPG	18,410	1.6	29/10/2020
CHPG2012	6,100	10,050	12.3 %	65%	41,150	95	29,050	9,426	SSI	HPG	21,680	0.8	18/01/2021
CHPG2013	6,900	12,020	11.4 %	74%	9,043	47	29,050	11,871	SSI	HPG	19,630	0.8	01/12/2020
CHPG2014	7,200	11,170	12.0 %	55%	11,609	186	29,050	9,718	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	10,440	10.7 %	56%	12,228	137	29,050	9,532	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2016	2,200	4,600	13.0 %	109%	69,928	91	29,050	4,200	HCM	HPG	22,500	1.6	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,910	14.1 %	79%	57,641	64	29,050	2,539	MBS	HPG	24,100	2.0	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,480	0 %	24%	1,601	25	17,600	2,203	SSI	MBB	15,650	0.9	09/11/2020
CMBB2005	2,000	650	0 %	-68%	301	11	17,600	257	VCI	MBB	17,390	0.9	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,940	2.7 %	76%	466	14	17,600	1,922	HCM	MBB	14,350	1.7	29/10/2020
CMBB2007	1,400	2,040	2.0 %	46%	2,367	91	17,600	1,726	HCM	MBB	14,780	1.7	14/01/2021
CMSN2001	2,300	3,560	22.8 %	55%	14,779	62	81,100	3,130	KIS	MSN	65,790	5.0	16/12/2020
CMSN2005	2,100	4,280	35.4 %	104%	13,839	14	81,100	4,234	HCM	MSN	60,000	5.0	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2006	1,900	5,400	26.2 %	184%	10,901	91	81,100	5,104	HCM	MSN	56,000	5.0	14/01/2021
CMSN2008	1,530	5,850	17.0 %	282%	16,773	53	81,100	5,667	MBS	MSN	53,000	5.0	07/12/2020
CMWG2006	2,000	380	-2.6 %	-81%	1,083	11	109,400	51	VCI	MWG	110,000	5.0	26/10/2020
CMWG2007	12,900	23,330	2.8 %	81%	1,165	46	109,400	22,732	SSI	MWG	87,000	1.0	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,440	24.5 %	88%	6,724	12	109,400	2,448	HCM	MWG	85,000	10.0	27/10/2020
CMWG2009	1,600	3,250	1.6 %	103%	1,211	8	109,400	3,432	MBS	MWG	82,000	8.0	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,950	-1.7 %	111%	68,410	91	109,400	2,802	HCM	MWG	82,000	10.0	14/01/2021
CMWG2011	2,980	5,050	7.0 %	69%	71	64	109,400	4,572	MBS	MWG	87,000	5.0	18/12/2020
CMWG2012	4,390	6,440	-9.8 %	47%	4,149	116	109,400	6,035	SSI	MWG	80,000	5.0	08/02/2021
CNVL2001	2,300	2,000	11.1 %	-13%	102	62	62,400	11	KIS	NVL	65,890	4.0	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,150	0.5 %	8%	500	146	62,400	764	KIS	NVL	59,890	5.0	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	160	23.1 %	-92%	1,844	11	65,000	(0)	VCI	PNJ	75,000	5.0	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	580	31.8 %	-42%	78,096	14	65,000	507	HCM	PNJ	60,000	10.0	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	1,000	9.9 %	0%	47,050	91	65,000	669	HCM	PNJ	59,000	10.0	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,580	13.2 %	54%	34,194	36	65,000	2,432	MBS	PNJ	53,000	5.0	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	3,440	12.4 %	14%	14,094	116	65,000	3,098	SSI	PNJ	50,000	5.0	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,210	-0.5 %	121%	11	14	41,800	2,367	HCM	REE	30,000	5.0	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,910	2.6 %	149%	150	8	41,800	4,107	MBS	REE	29,500	3.0	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,510	2.0 %	93%	2,459	91	41,800	2,386	HCM	REE	32,500	4.0	14/01/2021
CROS2002	1,000	160	0 %	-84%	4,109	62	2,260	(0)	KIS	ROS	7,230	1.0	16/12/2020
CSBT2001	2,900	540	0 %	-81%	10	62	15,900	0	KIS	SBT	21,110	1.0	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,350	8.3 %	38%	16,386	62	13,850	2,022	KIS	STB	11,890	1.0	16/12/2020
CSTB2004	1,400	3,070	15.4 %	119%	13,676	46	13,850	2,892	SSI	STB	11,000	1.0	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,090	10.1 %	1%	21,022	19	13,850	1,029	KIS	STB	11,810	2.0	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,360	6.3 %	-9%	6,241	172	13,850	787	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,800	8.6 %	153%	7,223	36	13,850	3,680	MBS	STB	10,200	1.0	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,300	6.5 %	100%	52,754	64	13,850	3,008	MBS	STB	10,900	1.0	18/12/2020
CTCB2003	2,000	750	66.7 %	-63%	10,582	11	22,850	(0)	VCI	TCB	25,000	1.0	26/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2005	3,000	2,490	-6.4 %	-17%	19,864	46	22,850	1,009	SSI	TCB	22,000	1.0	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,510	2.5 %	109%	20,171	14	22,850	2,435	HCM	TCB	18,000	2.0	29/10/2020
CTCB2007	1,700	2,250	1.4 %	32%	31,488	91	22,850	1,515	HCM	TCB	20,000	2.0	14/01/2021
CTCB2008	1,720	2,400	10.1 %	40%	42,714	64	22,850	1,480	MBS	TCB	20,000	2.0	18/12/2020
CVHM2001	3,100	880	-4.4 %	-72%	301	62	77,500	0	KIS	VHM	94,570	5.0	16/12/2020
CVHM2002	11,500	5,100	-6.6 %	-56%	11,702	46	77,500	1,731	SSI	VHM	77,000	1.0	30/11/2020
CVHM2003	1,000	790	-14.1 %	-21%	33,852	14	77,500	758	HCM	VHM	70,000	10.0	29/10/2020
CVHM2005	1,400	860	0 %	-39%	120,544	91	77,500	217	HCM	VHM	79,000	10.0	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,940	-5.4 %	-33%	6,208	116	77,500	1,018	SSI	VHM	75,000	5.0	08/02/2021
CVJC2001	2,400	130	0 %	-95%	585	62	106,000	(0)	KIS	VJC	173,140	10.0	16/12/2020
CVJC2002	1,900	120	9.1 %	-94%	21,506	14	106,000	(0)	HCM	VJC	116,000	10.0	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,390	2.2 %	-31%	14,945	116	106,000	791	SSI	VJC	100,000	10.0	08/02/2021
CVNM2004	17,500	17,770	-1.6 %	2%	1,062	46	107,500	15,393	SSI	VNM	95,550	0.8	30/11/2020
CVNM2005	1,500	3,300	-5.7 %	120%	114	14	107,500	2,987	HCM	VNM	83,400	8.1	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,520	-0.7 %	-37%	1,368	146	107,500	419	KIS	VNM	112,460	8.1	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,300	-1.7 %	28%	258	91	107,500	1,797	HCM	VNM	93,520	8.2	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,720	-1.1 %	50%	7,935	53	107,500	2,452	MBS	VNM	87,780	8.2	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,650	-1.1 %	-1%	3,066	116	107,500	2,219	SSI	VNM	90,240	8.2	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,440	-0.7 %	-58%	36,265	46	24,050	532	SSI	VPB	24,000	1.0	30/11/2020
CVPB2007	1,700	900	-4.3 %	-47%	49,531	14	24,050	788	HCM	VPB	22,500	2.0	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,760	-1.7 %	-2%	117,972	91	24,050	1,195	HCM	VPB	22,000	2.0	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,170	0.9 %	33%	7,784	36	24,050	1,955	MBS	VPB	20,200	2.0	20/11/2020
CVRE2003	3,000	180	5.9 %	-94%	16,394	62	27,600	0	KIS	VRE	38,000	2.0	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,520	3.4 %	-62%	9,553	46	27,600	388	SSI	VRE	28,000	1.0	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,190	7.2 %	8%	32,884	14	27,600	1,157	HCM	VRE	23,000	4.0	29/10/2020
CVRE2007	1,520	470	0 %	-69%	90,808	172	27,600	92	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,030	3.0 %	-14%	16,680	91	27,600	535	HCM	VRE	26,000	4.0	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
TCM (New)	HOSE	23,550	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
HBC (New)	HOSE	10,800	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC (New)	HOSE	14,650	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV (New)	HOSE	19,950	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG (New)	HOSE	11,150	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV	UPCOM	61,800	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG	HOSE	26,500	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	47,500	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	58,000	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	46,700	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	88,600	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	50,500	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	54,500	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	27,600	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,150	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	109,400	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	62,400	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,100	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	117,200	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	81,100	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.